

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trương Quốc Dũng	Chủ tịch
Ông Ngô Bùi Ngọc	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20/01/2015, miễn nhiệm ngày 02/07/2015)
Ông Phan Đình Phong	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Ủy viên
Ông Vũ Thành Kiên	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 20/01/2015)
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 20/1/2015)
Ông Võ Thành Tâm	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 02/07/2015)

Ban Giám đốc

Ông Phan Đình Phong	Tổng Giám đốc
Ông Phí Mạnh Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 06/07/2015)
Ông Nguyễn Danh Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hán Thành Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Đức Thịnh
Phó Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Số: 195/2015/AP - BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Vinaconex - PVC (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 và thuyết minh báo cáo tài chính được lập ngày 25/08/2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32 kèm theo (Sau đây gọi tắt là báo cáo tài chính bán niên 2015). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính bán niên 2015 này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính bán niên 2015 này dựa trên việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng báo cáo tài chính bán niên 2015 kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC tại ngày 30/06/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vũ Bình Minh
Giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
0034-2013-148-1



Ngô Việt Thanh
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
1687-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		720.697.477.430	776.194.792.863
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	16.822.954.909	38.566.505.486
1. Tiền	111		5.822.954.909	20.066.505.486
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.000.000.000	18.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	798.719.000	571.248.750
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.163.492.000	1.163.492.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(740.404.000)	(655.786.400)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		375.631.000	63.543.150
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		380.504.226.868	358.800.536.429
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	181.185.319.789	171.877.667.701
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		152.387.285.608	151.589.805.861
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	47.254.822.471	35.656.263.867
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(323.201.000)	(323.201.000)
IV. Hàng tồn kho	140	8	322.473.387.399	378.174.106.845
1. Hàng tồn kho	141		322.473.387.399	378.174.106.845
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		98.189.254	82.395.353
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	98.189.254	82.395.353
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		508.766.962.808	473.600.292.550
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		71.905.500.000	41.384.250.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	71.905.500.000	41.384.250.000
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.578.799.732	39.878.576.762
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	36.578.799.732	39.878.576.762
- Nguyên giá	222		71.142.304.897	71.142.304.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.563.505.165)	(31.263.728.135)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.090.734.320	3.082.115.785
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		8.402.774.992	1.685.992.586
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.687.959.328	1.396.123.199
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	308.727.442.304	305.668.240.343
1. Đầu tư vào công ty con	251		78.460.000.000	72.860.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.060.180.000	7.060.180.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		142.926.729.102	142.926.729.102
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.346.743.055)	(8.805.945.016)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		91.627.276.257	91.627.276.257
V. Tài sản dài hạn khác	260		80.464.486.452	83.587.109.660
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	78.717.746.949	82.182.515.683
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.746.739.503	1.404.593.977
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.229.464.440.238	1.249.795.085.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MÃ SỐ B01a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	30/06/2015		01/01/2015	
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.043.314.473.362		1.059.296.222.375	
I. Nợ ngắn hạn	310		954.967.788.064		968.397.127.285	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	157.447.833.540		173.699.694.030	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		118.231.142.594		138.941.927.755	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.441.254.443		12.778.506.043	
4. Phải trả người lao động	314		5.080.907.632		3.883.722.520	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		761.393.252		1.053.566.664	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	13	172.619.107.060		140.542.327.475	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	221.810.898.374		205.426.220.039	
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	270.543.198.108		292.009.109.698	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		32.053.061		62.053.061	
II. Nợ dài hạn	330		88.346.685.298		90.899.095.090	
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	13	88.346.685.298		90.899.095.090	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		186.149.966.876		190.498.863.038	
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	186.149.966.876		190.498.863.038	
1. Vốn góp của chủ sở hữu, trong đó:	411		300.000.000.000		300.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000		300.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000		15.069.800.000	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.238.124.869		3.238.124.869	
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.123.204.630		1.123.204.630	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(133.281.162.623)		(128.932.266.461)	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(128.932.266.461)		(134.100.043.279)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(4.348.896.162)		5.167.776.818	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.229.464.440.238		1.249.795.085.413	

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Thịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B02a- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	166.244.860.900	34.908.017.419
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		166.244.860.900	34.908.017.419
4. Giá vốn hàng bán	11	18	147.474.724.361	31.353.986.786
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.770.136.539	3.554.030.633
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	3.679.255.561	3.863.782.299
7. Chi phí tài chính	22	20	18.145.224.024	15.837.922.236
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	15.519.808.385	13.686.139.828
8. Chi phí bán hàng	25	21	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	6.964.239.813	7.859.923.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.660.071.737)	(16.280.032.787)
11. Thu nhập khác	31		50.799.252	653.151.636
12. Chi phí khác	32		418.732.974	1.234.081.313
13. Lợi nhuận khác	40		(367.933.722)	(580.929.677)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.028.005.459)	(16.860.962.464)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.663.036.229	1.237.497.087
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(342.145.526)	(1.237.497.087)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.348.896.162)	(16.860.962.464)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	16	(145)	(562)

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Thịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.028.005.459)	(16.860.962.464)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.299.777.030	3.398.827.944
- Các khoản dự phòng	03		2.625.415.639	2.151.782.408
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.679.255.561)	(3.236.595.954)
- Chi phí lãi vay	06		15.519.808.385	13.686.139.828
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.737.740.034	(860.808.238)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(69.379.280.853)	10.498.832.087
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		48.983.937.040	(66.692.589.061)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		14.351.508.292	84.522.201.212
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.448.974.833	2.292.446.982
- Tiền lãi vay đã trả	14		(389.583.333)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.919.821.835)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.000.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(30.000.000)	(1.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.803.474.178	29.760.082.982
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(1.291.836.129)	(638.845.737)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	191.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(375.631.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		63.543.150	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.600.000.000)	(21.800.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		122.810.814	108.670.423
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.081.113.165)	(22.139.175.314)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.095.000.000	2.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(23.560.911.590)	(14.270.679.399)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(21.465.911.590)	(12.270.679.399)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(21.743.550.577)	(4.649.771.731)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38.566.505.486	14.300.081.305
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.822.954.909	9.650.309.574

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Người lập

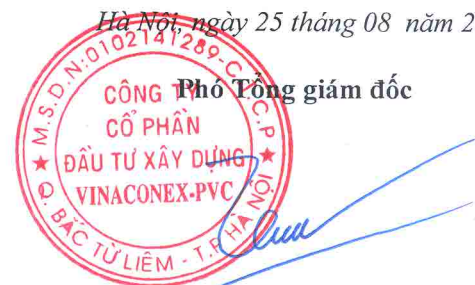


Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh



Nguyễn Đức Thịnh

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (“Công ty”) là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103015409 ngày 15/01/2007 và lần gần nhất ngày 08/12/2014. Vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 300 tỷ đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVV.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình điện đến 35KV, trang trí nội thất, ngoại thất các công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ô tô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư vật liệu ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh nhà hàng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1, Tòa nhà CT2A, Khu đô thị mới Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Vốn góp 30/06/2015</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Công ty cổ phần Xây dựng dân dụng công nghiệp PVV	Tòa nhà CT2A, Khu đô thị mới Cổ Nhuế, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	38.660.000.000	77,32%
Công ty TNHH XNK Xây dựng Đông Thành	Km 17, Quốc lộ 32, cụm 10, xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Hà Nội	29.700.000.000	99,99%
Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế	Số 323 Bùi Thị Xuân, Thành Phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	4.500.000.000	35%
Công ty TNHH BOT Giao thông Vận tải Sài Gòn	Số 19 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh	5.600.000.000	100%

Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần khai thác Thừa Thiên Huế đồng nghĩa với việc Công ty có quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Khai thác Đá Thừa Thiên Huế. Do đó khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế được theo dõi là khoản đầu tư vào Công ty con trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Áp dụng chế độ kế toán mới

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kết thúc ngày 30/06/2015.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị có thể thu hồi ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Đối tượng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi bao gồm các khách hàng có số dư nợ quá hạn theo hợp đồng hoặc mất khả năng thanh toán, không bao gồm những khách hàng đã quá hạn nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới, phù hợp theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư. Dự phòng của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận sau khi bất động sản đã được xây dựng hoàn tất, phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận theo tiến độ thu tiền trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở theo hướng dẫn tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi các chi phí này phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	236.359.730	976.398.611
Tiền gửi ngân hàng	5.586.595.179	19.090.106.875
Các khoản tương đương tiền (*)	11.000.000.000	18.500.000.000
Cộng	<u>16.822.954.909</u>	<u>38.566.505.486</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam	1.163.492.000	423.088.000	1.163.492.000	507.705.600
Cộng	1.163.492.000	423.088.000	1.163.492.000	655.786.400

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
a) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	375.631.000	375.631.000	63.543.150	63.543.150
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Bắc Trung Bộ (*)	91.627.276.257	91.627.276.257	91.627.276.257	91.627.276.257

(*) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Bắc Trung Bộ theo hợp đồng ủy thác vốn số 3010/2013/UTQLV/FIT ngày 30/10/2013 và biên bản thoả thuận 3 bên số 01-111/TT/FIT- KSBTB ngày 11/11/2013 giữa Công ty Cổ phần đầu tư F.I.T, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC và Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Bắc Trung Bộ. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Bắc Trung Bộ phải trả một khoản lợi tức ủy thác vốn đầu tư tương ứng với lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước cộng biên độ 0,5% cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

Đầu tư vào công ty con

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV (1)	38.660.000.000	11.346.743.055	27.313.256.945	38.660.000.000
Công ty TNHH XNK Xây dựng Đồng Thành (2)	29.700.000.000	-	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế (3)	4.500.000.000	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty TNHH BOT Giao thông Vận tải Sài Gòn (4)	5.600.000.000	-	5.600.000.000	-
Cộng	78.460.000.000	11.346.743.055	67.113.256.945	72.860.000.000
				8.805.945.016
				64.054.054.984

(1) Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV có ngành nghề kinh doanh chính: Giám sát thi công và hoàn thiện công trình xây dựng, công nghiệp. Vốn đầu tư của Công ty vào công ty này chiếm 77,32% vốn điều lệ, tại thời điểm 30/06/2015 Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV.

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV, Vốn chủ sở hữu (mã số 400) thấp hơn Vốn góp của chủ sở hữu (mã số 410) với giá trị là 14.675.042.751 đồng, theo đó Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với giá trị 11.346.743.055 đồng tương ứng với tỷ lệ góp vốn 77,32%.

(2) Công ty TNHH XNK Xây dựng Đồng Thành có ngành nghề kinh doanh chính: dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa, bảo dưỡng sửa chữa ô tô, kinh doanh bất động sản. Vốn đầu tư của Công ty vào công ty này chiếm 99,99% vốn điều lệ, tại thời điểm 30/06/2015 Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH XNK Xây dựng Đồng Thành.

(3) Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế có ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác chế biến đá Granite các loại, cung cấp vật liệu xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Vốn đầu tư của Công ty vào công ty này chiếm 35% vốn điều lệ, tại thời điểm 30/06/2015 Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế. Mặc dù Công ty chỉ sở hữu 35% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế, tuy nhiên Công ty có 3/5 thành viên trong Hội đồng quản trị, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế đồng nghĩa với việc Công ty có quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế. Do đó khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế được theo dõi là khoản đầu tư vào Công ty con trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.

(4) Công ty TNHH BOT Giao thông Vận tải Sài Gòn có ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình xây dựng, hoàn thiện công trình xây dựng, kinh doanh ký túc xá sinh viên, học sinh. Vốn đầu tư của Công ty vào công ty này 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30/06/2015 Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định trên Giấy đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH BOT Giao thông Vận tải Sài Gòn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Bắc Bình Định theo thỏa thuận liên danh số 02/2013/TTLD để tham gia thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km 1125 - Km 1153 tỉnh Bình Định theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao. Theo đó Công ty sẽ góp 48 tỷ đồng tương ứng với 20% tổng mức vốn đầu tư, đến thời điểm 30/06/2015 Công ty đã góp được 7.060.180.000 đồng.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (1)	101.926.729.102	-	101.926.729.102	-
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (2)	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-
Công ty TNHH Thành phố Xanh (3)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Cộng	142.926.729.102	-	142.926.729.102	-

(1) Khoản góp vốn vào Công ty cổ phần Dầu khí IMICO để đầu tư Dự án Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu Đô thị Nam An Khánh - Hà Nội, thuộc lô HH3 của Dự án Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức - Hà Nội. Theo đó phần vốn góp của Công ty tương ứng 20% giá trị vốn góp của dự án. Mặc dù dự án được triển khai chậm hơn so với tiến độ qui định trong hợp đồng do nguyên nhân khách quan, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản đầu tư không bị suy giảm giá trị và vì vậy không phải trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này.

(2) Khoản đầu tư cổ phiếu vào Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 theo Hợp đồng mua bán cổ phần với số lượng 2.100.000 cổ phần tương ứng với giá trị mua bán 21 tỷ đồng, chiếm 7,5% tổng số cổ phần của Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8, Công ty đã chuyển tiền đủ 21 tỷ đồng theo hợp đồng mua bán trên.

(3) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Thành phố Xanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư dự án khu nhà ở chung cư tại Phường Phú Hữu, Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh - Sunflower City. Theo đó, Công ty sẽ nắm giữ 51% quyền sở hữu trong dự án sau khi góp đủ vốn theo tiến độ Hợp đồng (tương đương với 5.992.500 Đôla Mỹ).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	181.185.319.789	171.877.667.701
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật Vinaconex	22.181.770.673	15.553.565.725
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam	53.151.642.770	53.151.642.770
Công ty Cổ phần Đầu tư vật liệu PVV	13.048.956.256	13.048.956.256
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	32.114.902.015	34.627.214.019
Tổng Công ty Cổ phần XNK và Xây dựng Việt Nam	12.383.469.972	12.683.469.972
Các đối tượng khác	48.304.578.103	42.812.818.959
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>181.185.319.789</u>	<u>171.877.667.701</u>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành	321.462.800	321.462.800
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	62.889.609	-

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	47.254.822.471	-	35.656.263.867	-
Phải thu về cổ tức	6.011.814.000	-	6.011.814.000	-
Lợi tức ủy thác vốn đầu tư, lãi tiền gửi	11.437.344.580	-	7.990.661.860	-
Thuế GTGT chờ khấu trừ do truy thu	-	-	1.362.563.135	-
Ký quỹ, ký cược	13.000.250.400	-	13.000.250.400	-
Phải thu khác	16.805.413.491	-	7.290.974.472	-
b) Dài hạn	71.905.500.000	-	41.384.250.000	-
Công ty Cổ phần Đồng Phát (*)	71.905.500.000	-	41.384.250.000	-
Cộng	<u>119.160.322.471</u>	-	<u>77.040.513.867</u>	-

(*) Là khoản góp vốn giai đoạn đầu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 14/2012/HĐHTK ngày 10/12/2012 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Phát để đầu tư cho dự án nhà ở cao tầng tại ô quy hoạch A3-5 xã Tam Hiệp và xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Tổng chi phí của dự án 1.234.742.396.000 đồng, các bên góp vốn theo tỷ lệ 50% - 50%.

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	376.150.231	-	1.124.317.054	-
Công cụ, dụng cụ	429.178.000	-	429.178.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	321.668.059.168	-	376.620.611.791	-
Cộng	322.473.387.399	-	378.174.106.845	-

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình lớn:

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công trình Chung cư CT2A - Khu đô thị mới Cổ Nhuế	42.513.151.957	111.669.472.316
Công trình Chung cư CT2B - Khu đô thị mới Cổ Nhuế	118.036.831.898	82.733.152.850
Công trình nhà máy nhiên liệu Ethanol - Phú Thọ	16.312.491.957	16.204.035.555
Công trình khách sạn Lam Kinh - Thanh Hoá	31.667.903.296	31.667.903.296
Công trình nhiệt điện Vũng Áng	28.049.853.401	45.608.294.456
Các công trình khác	85.087.826.659	88.737.753.318
Cộng	321.668.059.168	376.620.611.791

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	98.189.254	82.395.353
Phí lưu hành đường bộ và kiểm định	75.515.322	-
Các khoản khác	22.673.932	82.395.353
b) Dài hạn	78.717.746.949	82.182.515.683
Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản (*)	63.248.310.445	65.184.872.905
Chi phí thuê văn phòng	9.294.512.374	9.407.219.914
Thương hiệu nhượng quyền Vinaconex	4.115.342.467	4.265.342.467
Chi phí sửa chữa văn phòng	449.213.680	1.081.168.646
Chi phí đầu tư sửa chữa trạm trộn Nghi Sơn	1.420.422.898	1.988.592.084
Chi phí khác	189.945.085	255.319.667
Cộng	78.815.936.203	82.264.911.036

(*) Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tạp chí Cộng Sản, theo đó hai bên cùng nhau hợp tác kinh doanh dưới hình thức Công ty thực hiện xây dựng tòa nhà tại vị trí Văn phòng Tạp chí Cộng Sản phía Nam và được phép kinh doanh trong vòng 20 năm (sau khi bàn giao một tầng hầm và một lầu cho Tạp chí Cộng Sản). Sau khi công trình xây dựng hoàn thành, Công ty đã cho đối tác khác thuê lại với thời gian 20 năm và ghi nhận chi phí xây dựng tòa nhà là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 20 năm tương ứng với thời gian phân bổ doanh thu đã nhận trước. Thời gian phân bổ bắt đầu từ ngày 01/07/2011 (xem thuyết minh số 13).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2015

Tăng trong kỳ

Giảm trong kỳ

Tại ngày 30/06/2015

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2015

Trích khấu hao trong kỳ

Giảm trong kỳ

Tại ngày 30/06/2015

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2015

Tại ngày 30/06/2015

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2015	65.899.933.085	4.740.925.016	419.992.251	81.454.545	71.142.304.897
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	65.899.933.085	4.740.925.016	419.992.251	81.454.545	71.142.304.897
Tại ngày 01/01/2015	28.946.852.733	1.855.633.949	379.786.908	81.454.545	31.263.728.135
Trích khấu hao trong kỳ	3.037.160.876	255.973.812	6.642.342	-	3.299.777.030
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	31.984.013.609	2.111.607.761	386.429.250	81.454.545	34.563.505.165
Tại ngày 01/01/2015	36.953.080.352	2.885.291.067	40.205.343	-	39.878.576.762
Tại ngày 30/06/2015	33.915.919.476	2.629.317.255	33.563.001	-	36.578.799.732

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2015 là 1.212.818.864 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 867.806.102 đồng).

Một số máy móc, thiết bị của Công ty với tổng Nguyên giá tại ngày 30/06/2015 khoảng 49 tỷ đồng được thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng trong nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	157.447.833.540	157.447.833.540	173.699.694.030	173.699.694.030
Công ty cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	14.007.764.952	14.007.764.952	25.338.804.235	25.338.804.235
Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	9.979.209.000	9.979.209.000	9.979.209.000	9.979.209.000
Công ty TNHH XD và Thương mại VS	10.390.620.562	10.390.620.562	7.928.276.973	7.928.276.973
Công ty Cổ phần Đầu tư EZ Việt Nam	12.870.000.000	12.870.000.000	-	-
Công ty CP Khai thác đá Thừa Thiên Huế	6.758.460.409	6.758.460.409	7.179.622.436	7.179.622.436
Các đối tượng khác	103.441.778.617	103.441.778.617	123.273.781.386	123.273.781.386
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	157.447.833.540	157.447.833.540	173.699.694.030	173.699.694.030
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	14.007.764.952	14.007.764.952	25.338.804.235	25.338.804.235
Công ty CP Khai thác đá Thừa Thiên Huế	6.758.460.409	6.758.460.409	7.179.622.436	7.179.622.436
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành	244.200.000	244.200.000	1.373.061.363	1.373.061.363

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015		Số đã nộp		Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	5.662.494.422	9.655.571.047	9.569.352.377	5.748.713.092		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.696.782.672	1.663.036.229	4.919.821.835	2.439.997.066		
Thuế thu nhập cá nhân	1.419.228.949	41.891.368	1.208.576.032	252.544.285		
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-		
Cộng	12.778.506.043	11.363.498.644	15.700.750.244	8.441.254.443		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tiền nhận theo tiến độ của các hợp đồng chuyển nhượng Bất động sản (1)	172.501.849.472	138.287.297.151
Công trình nhà N03 Khu ngoại giao đoàn (2)	117.257.588	2.255.030.324
Cộng	<u><u>172.619.107.060</u></u>	<u><u>140.542.327.475</u></u>
b) Dài hạn		
Tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà Tạp chí Cộng Sản (3)	80.154.477.503	82.608.185.997
Tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vinaconex 9 (4)	8.192.207.795	8.290.909.093
Cộng	<u><u>88.346.685.298</u></u>	<u><u>90.899.095.090</u></u>

- (1) Số tiền nhận được theo tiến độ của các hợp đồng mua bán căn hộ tại chung cư CT2A và CT2B - khu đô thị mới Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội.
- (2) Số tiền khách hàng ứng trước, Công ty đã phát hành hóa đơn GTGT đồng thời thực hiện kết chuyển vào doanh thu theo từng lần nghiệm thu thanh toán.
- (3) Số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại Tòa nhà Cơ quan thường trực Công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng số 03/PVFC-PVC VINACONEX ngày 10 tháng 12 năm 2010. Theo đó, doanh thu được ghi nhận từng kỳ tương ứng với thời gian cho thuê văn phòng của công trình là 20 năm kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 (xem Thuyết minh số 9).
- (4) Số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại tầng 12 tòa nhà Vinaconex 9, theo hợp đồng số 03/2013 ngày 18/03/2013. Doanh thu được ghi nhận từng kỳ tương ứng với thời gian thuê còn lại của Công ty là 43 năm kể từ ngày 18/03/2013.

14. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	549.683.943	708.857.903
Bảo hiểm xã hội	416.562.712	659.858.507
Bảo hiểm y tế	18.716.381	15.466.581
Bảo hiểm thất nghiệp	7.963.324	6.693.370
Lãi vay phải trả	127.601.993.808	112.471.768.756
Phải trả Ngân hàng TMCP Đại Dương (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.707.980.000	3.707.980.000
Phí bảo trì chung cư CT2A - Khu đô thị mới Cổ Nhuế	6.235.076.395	3.981.419.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.272.921.811	3.874.175.897
Cộng	<u><u>221.810.898.374</u></u>	<u><u>205.426.220.039</u></u>

(*) Khoản tạm ứng vốn từ Ngân hàng TMCP Đại Dương theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ký giữa Công ty và Ngân hàng, kỳ hạn là 36 tháng kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2010 với mục đích tài trợ cho Dự án xây dựng của Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, hai bên vẫn chưa thực hiện gia hạn cho hợp đồng đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	30/06/2015		01/01/2015		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	
a) Vay ngắn hạn	157.860.765.414	157.860.765.414	2.095.000.000	18.457.587.357	174.223.352.771
Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Hội sở (1)	78.563.237.819	78.563.237.819	-	299.500.000	78.862.737.819
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (2)	55.888.047.927	55.888.047.927	-	2.369.131.083	58.257.179.010
Công ty cổ phần Đầu tư Thế Kỷ (3)	7.640.000.000	7.640.000.000	-	1.010.000.000	8.650.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)	2.309.286.235	2.309.286.235	-	1.200.000.000	3.509.286.235
Ngân hàng TMCP Đại Dương	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Long Trung Sơn	1.595.540.000	1.595.540.000	-	-	1.595.540.000
Công ty CP Khai thác đá Thừa Thiên Huế	-	-	-	-	3.000.000.000
Vay cá nhân	9.864.653.433	9.864.653.433	2.095.000.000	10.578.956.274	18.348.609.707
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	112.682.432.694	112.682.432.694	-	5.103.324.233	117.785.756.927
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (5)	112.682.432.694	112.682.432.694	-	5.103.324.233	117.785.756.927
Cộng	270.543.198.108	270.543.198.108	2.095.000.000	23.560.911.590	292.009.109.698

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Hội sở chính, theo Hợp đồng tín dụng số 2782/HDDTĐ2-VIB08/11 ngày 15/08/2011 và các phụ lục kèm theo với hạn mức là 100.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng. Lãi suất vay do Ngân hàng qui định tại thời điểm giải ngân và được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2782.02/2013/BĐ ngày 08/03/2013. Theo biên bản định giá ngày 05/03/2013 tổng giá trị tạm tính của tài sản đảm bảo là 42.000.000.000 đồng. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán, Công ty đang làm việc với phía ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế để gia hạn thời hạn trả nợ vay.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được chuyển đổi từ khoản vay của Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam trước đây bao gồm các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 18/TDHHM-BL-NH/TD10 ngày 10/03/2011. Khoản tín dụng này với hạn mức là 280.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa không qua 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất thay đổi theo từng lần giải ngân
- Hợp đồng tín dụng số 10/TDĐT-TH/TTGHO12 ngày 22/03/2012 với hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Hai hợp đồng tín dụng này đều đã được gia hạn trả nợ cùng đến ngày 03/11/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (3) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Kỷ, theo Hợp đồng vay vốn ngày 02/08/2010 với số tiền là 48.600.000.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày ký hợp đồng với lãi suất không đổi là 9%/năm trong suốt quá trình vay. Thời hạn vay có thể được điều chỉnh nếu Công ty gửi thông báo gia hạn nhưng không kéo dài quá 9 tháng tính từ ngày kết thúc thời hạn. Theo phụ lục hợp đồng số 03 ngày 26/09/2014 của Hợp đồng vay vốn trên, kể từ ngày 03/07/2013 trở đi Công ty không phải trả tiền lãi vay cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế Kỷ. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán tuy nhiên Công ty chưa có các văn bản chính thức về việc gia hạn trả nợ cho khoản vay này.
- (4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), theo các Hợp đồng tín dụng hạn mức với mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán, nhưng theo theo thông báo ngày 10/06/2015, MB đồng ý miễn toàn bộ tiền phạt chậm trả lãi, miễn giảm lãi, giảm tỷ lệ lãi phạt quá hạn về 7,5%/năm nếu Công ty định kỳ trả số tiền tối thiểu 200 triệu đồng và thanh toán toàn bộ nợ gốc, lãi trước ngày 30/09/2015.
- (5) Khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam theo các hợp đồng vay dài hạn sau:
 - Hợp đồng tín dụng số 49/TDĐT-BL-TH/TD10 ngày 09/12/2010, Hợp đồng tín dụng số 03/TDĐT-TH/TD10 ngày 22/01/2010 và các các phụ lục kèm theo, các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản của Công ty với giá trị khoảng 49 tỷ đồng và các tài sản hình thành từ vốn vay. Hai khoản vay này đều đã được gia hạn đến ngày 03/11/2015. Giá trị khoản vay dài hạn của hai hợp đồng này lần lượt là 14.155.898.721 đồng và 9.795.581.180 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số 18/TDHM-BL-NH/TD10 ngày 10/03/2011 và hợp đồng tín dụng số 10/TDĐT-TH/TTGHO12 ngày 22/03/2012 đã được gia hạn thời gian trả nợ đến tháng 11/2015. Giá trị khoản vay dài hạn của hai hợp đồng này sau khi được gia hạn thời gian trả nợ lần lượt là 45.186.519.281 đồng và 43.544.434.512 đồng.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2014	300.000.000.000	15.069.800.000	1.123.204.630	3.238.124.869	(133.986.145.565)
Lãi trong năm	-	-	-	-	5.167.776.818
Giảm khác	-	-	-	-	(113.897.714)
Tại ngày 01/01/2015	300.000.000.000	15.069.800.000	1.123.204.630	3.238.124.869	(128.932.266.461)
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	(4.348.896.162)
Tại ngày 30/06/2015	300.000.000.000	15.069.800.000	1.123.204.630	3.238.124.869	(133.281.162.623)

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	300.000.000.000	300.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND)	10.000	10.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.348.896.162)	(18.443.033.061)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.348.896.162)	(18.443.033.061)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(145)	(615)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	108.007.920.160	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.703.453.714	5.658.313.477
Doanh thu hợp đồng xây dựng	51.533.487.026	29.249.703.942
Cộng	166.244.860.900	34.908.017.419
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	57.172.372	-
Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế	101.272.727	106.772.727

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	92.939.336.596	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.853.183.618	4.181.604.732
Giá vốn hợp đồng xây dựng	48.682.204.147	27.172.382.054
Cộng	147.474.724.361	31.353.986.786

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Lãi tiền gửi, ủy thác đầu tư	3.569.493.534	3.563.782.299
Cổ tức, lợi nhuận được chia	109.762.027	300.000.000
Cộng	<u>3.679.255.561</u>	<u>3.863.782.299</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Lãi tiền vay	15.519.808.385	13.686.139.828
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.625.415.639	2.151.782.408
Cộng	<u>18.145.224.024</u>	<u>15.837.922.236</u>

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	6.964.239.813	7.859.923.483
Chi phí nhân viên quản lý	3.615.086.086	2.848.716.485
Chi phí vật liệu quản lý	755.932.373	795.407.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	980.230.012	2.874.236.216
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.612.991.342	1.341.562.811
b) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	-	-
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.347.890.859	4.011.629.566
Chi phí nhân công	11.608.269.127	4.354.727.771
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.299.777.030	3.398.827.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.539.964.272	3.133.727.725
Cộng	<u>102.795.901.288</u>	<u>14.898.913.006</u>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận trước thuế	(3.028.005.459)	(16.860.962.464)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	16.684.000	-
+ Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
+ Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	16.684.000	-
Thu nhập chịu thuế	(3.011.321.459)	(16.860.962.464)
Hoạt động kinh doanh bất động sản		
+ Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh bất động sản	6.004.048.652	-
+ Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
+ Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	1.320.890.703	-
+ Thuế TNDN đã tạm nộp 1% được trừ	(430.567.166)	-
+ Thuế TNDN phải tính tạm nộp 1% phát sinh trong kỳ	772.712.692	1.237.497.087
+ <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động BĐS (1)</i>	1.663.036.229	1.237.497.087
Hoạt động sản xuất kinh doanh		
+ Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(9.015.370.111)	-
+ Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
+ <i>Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh (2)</i>	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành [(1) + (2)]	<u>1.663.036.229</u>	<u>1.237.497.087</u>

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	430.567.166	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(772.712.692)	(1.237.497.087)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>(342.145.526)</u>	<u>(1.237.497.087)</u>

25. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Bán hàng hóa - dịch vụ - xây lắp		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	57.172.372	-
Công ty CP Khai thác Đá Thừa Thiên Huế	101.272.727	106.772.727
Mua hàng hóa - dịch vụ		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	3.816.701.673	17.427.623.014
Công ty TNHH XNK Xây dựng Đông Thành	222.000.000	543.588.843
Doanh thu tài chính		
Cổ tức của Công ty CP Khai thác Đá Thừa Thiên Huế	109.762.027	-
Chi phí tài chính		
Lãi vay của Công ty CP Khai thác Đá Thừa Thiên Huế	67.475.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09a - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Số dư với các bên liên quan**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	62.889.609	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành	321.462.800	321.462.800
Phải thu khác		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	2.581.814.000	2.581.814.000
Công ty CP Khai thác Đá Thừa Thiên Huế	825.062	825.062
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành	9.215.755	9.215.755
Phải trả người bán		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	14.007.764.952	25.338.804.235
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành	244.200.000	1.373.061.363
Công ty CP Khai thác Đá Thừa Thiên Huế	6.758.460.409	7.179.622.436
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Công nghiệp PVV	2.761.958.792	2.741.431.717
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Xây dựng Đông Thành	12.247.034.045	13.970.095.408
Phải trả khác		
Công ty CP Khai thác Đá Thừa Thiên Huế	85.600.000	118.125.000
Vay ngắn hạn		
Công ty CP Khai thác Đá Thừa Thiên Huế	-	3.000.000.000
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Khai thác Đá Thừa Thiên Huế	3.000.000.000	3.000.000.000

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản phải trả trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.822.954.909	38.566.505.486
Các khoản đầu tư	309.526.161.304	306.239.489.093
Phải thu khách hàng và phải thu khác	286.861.265.762	243.632.980.247
Cộng	<u>613.210.381.975</u>	<u>588.438.974.826</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	270.543.198.108	292.009.109.698
Phải trả người bán và phải trả khác	378.265.805.554	377.735.037.708
Cộng	<u>648.809.003.662</u>	<u>669.744.147.406</u>

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro tỷ giá ngoại tệ, rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá trên thị trường.

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 30/06/2015 là 323.201.000 đồng (tại ngày 01/01/2015 là 323.201.000 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh (bao gồm cả gốc và lãi) và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/6/2015			
Các khoản vay	270.543.198.108	-	270.543.198.108
Phải trả người bán và phải trả khác	378.265.805.554	-	378.265.805.554
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	292.009.109.698	-	292.009.109.698
Phải trả người bán và phải trả khác	377.735.037.708	-	377.735.037.708

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính (bao gồm cả lãi từ các tài sản đó, nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.822.954.909	-	16.822.954.909
Các khoản đầu tư	309.526.161.304	-	309.526.161.304
Phải thu khách hàng và phải thu khác	286.861.265.762	-	286.861.265.762
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.566.505.486	-	38.566.505.486
Các khoản đầu tư	306.239.489.093	-	306.239.489.093
Phải thu khách hàng và phải thu khác	243.632.980.247	-	243.632.980.247

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình do đang chờ Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 02, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015.

Ảnh hưởng của bút toán phân loại lại tới số liệu so sánh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX - PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản ngắn hạn		630.005.316.149	586.935.073.563	(43.070.242.586)
Đầu tư ngắn hạn	121	1.227.035.150	-	(1.227.035.150)
Chứng khoán kinh doanh	121	-	1.163.492.000	1.163.492.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	63.543.150	63.543.150
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	213.261.917.701	171.877.667.701	(41.384.250.000)
Phải thu khác	136	19.193.457.515	35.656.263.867	16.462.806.352
Tài sản ngắn hạn khác	158	16.462.806.352	-	(16.462.806.352)
Hàng tồn kho	141	379.860.099.431	378.174.106.845	(1.685.992.586)
Tài sản dài hạn		234.554.005.359	277.624.247.945	43.070.242.586
Phải thu dài hạn khác	216	-	41.384.250.000	41.384.250.000
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241	-	1.685.992.586	1.685.992.586
Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	234.554.005.359	-	(234.554.005.359)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	142.926.729.102	142.926.729.102
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	91.627.276.257	91.627.276.257
Cộng		864.559.321.508	864.559.321.508	-

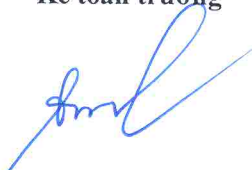
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Thịnh